

Số: 2426 /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 15 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ cho học viên Cao học
khóa XXVII (2019-2021) (đợt 2)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ ngày 29 tháng 3 năm 1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc giao nhiệm vụ đào tạo cán bộ trên đại học cho Trường ĐHSV Vinh (nay là Trường Đại học Vinh);

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 863/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học tại Cơ sở đào tạo sau đại học Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 920/QĐ-ĐHV ngày 24/04/2019, Quyết định số 2365/QĐ-ĐHV ngày 30 tháng 8 năm 2019, Quyết định số 2439/QĐ-ĐHV ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc công nhận trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh khóa XXVII (2019-2021);

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng xét tốt nghiệp Cao học đợt 2 năm 2021;

Theo đề nghị của Trường các đơn vị có học viên xét tốt nghiệp, Trường phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ cho 521 học viên cao học khóa XXVII (2019-2021) của Trường Đại học Vinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng phòng Công tác chính trị học sinh - sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 2;
- Vụ GDDH, Bộ GD&ĐT (b/c)
- Lưu: HCTH, SĐH. ✓

HIỆU TRƯỞNG ✓



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng



**DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXVII (2019-2021)
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ (ĐỢT 2)**

(Kèm theo Quyết định số 4446 /QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

STT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Số TC/TL	Trung bình	Luận văn	Chuyên ngành	Ghi chú
1	19831020110050	Võ Thanh Cúc	26/01/1983	46	8.62	9.0	Chính trị học	
2	19831020110057	Trương Minh Hải	10/09/1981	46	8.63	9.0	Chính trị học	
3	19831020110051	Đoàn Quý Hoàng	17/03/1993	46	8.47	9.0	Chính trị học	
4	19831020110059	Nguyễn Thanh Hoàng	21/10/1989	46	8.58	9.0	Chính trị học	
5	19831020110058	Nguyễn Văn Hồ	20/07/1986	46	8.62	9.0	Chính trị học	
6	19831020110052	Châu Quốc Hùng	10/04/1985	46	8.59	9.0	Chính trị học	
7	19831020110056	Nguyễn Văn Kiệt	1987	46	8.45	9.0	Chính trị học	
8	19831020110053	Ngô Thị Kim Lài	04/11/1997	46	8.53	9.0	Chính trị học	
9	19831020110055	Lê Minh Mẫn	04/11/1986	46	8.43	9.0	Chính trị học	
10	19831020110054	Đỗ Thanh Thảo	23/11/1968	46	8.34	9.0	Chính trị học	
11	19831020110049	Trần Ngọc Toàn	09/10/1995	46	8.15	9.0	Chính trị học	
12	19831020110075	Nguyễn Công Cường	20/01/1986	46	8.24	8.8	Chính trị học	
13	19831020110078	Đoàn Mỹ Dung	26/12/1994	43	8.67	8.9	Chính trị học	Miễn NN
14	19831020110001	Trần Thúc Định	11/02/1989	46	8.39	9.0	Chính trị học	
15	19831020110080	Tạ Thành Đó	30/10/1983	46	8.32	9.0	Chính trị học	
16	19831020110076	Nguyễn Nam Quốc Hà	26/04/1990	46	8.12	8.8	Chính trị học	
17	19831020110077	Nguyễn Thị Cẩm Hà	22/09/1987	46	8.18	9.0	Chính trị học	

TT	Mã HV	Họ và tên	Ngay sinh	Số TGTTL	Trung bình	Điểm văn	Chuyên ngành	Ghi chú
340	198140111310045	Đoàn Minh Trung	15/08/1987	45	8.23	9.0	LL và PPDH bộ môn Hóa học	
341	198140111310039	Châu Thanh Tuấn	26/06/1982	45	8.6	10	LL và PPDH bộ môn Hóa học	
342	198140111310001	Mai Quỳnh Châu	18/02/1982	45	8.25	9.0	LL và PPDH bộ môn Hóa học	
343	198140111310007	Nguyễn Công Chung	26/07/1990	45	8.95	10	LL và PPDH bộ môn Hóa học	
344	198140111310002	Nguyễn Thị Hà	02/07/1994	45	8.35	9.0	LL và PPDH bộ môn Hóa học	
345	198140111310003	Dương Minh Hiền	10/03/1988	45	8.22	9.0	LL và PPDH bộ môn Hóa học	
346	198140111310004	Trần Quang Huy	13/08/1978	45	8.79	10	LL và PPDH bộ môn Hóa học	
347	198140111310005	Nguyễn Trung Kiên	03/02/1986	45	8.39	9.0	LL và PPDH bộ môn Hóa học	
348	198140111310012	Lai Tuấn Lộc	22/04/1979	45	7.61	8.5	LL và PPDH bộ môn Hóa học	
349	198140111310006	Lê Văn Nam	30/01/1995	45	7.85	8.5	LL và PPDH bộ môn Hóa học	
350	198140111310013	Nguyễn Đông Nhật	01/05/1987	45	8.5	9.0	LL và PPDH bộ môn Hóa học	
351	198140111310008	Nguyễn Thanh Thọ	06/06/1995	45	8.16	9.0	LL và PPDH bộ môn Hóa học	
352	198140111310009	Huỳnh Văn Toàn	25/09/1995	45	7.97	8.5	LL và PPDH bộ môn Hóa học	
353	198140111310010	Nguyễn Thị Thùy Trang	02/12/1978	45	8.41	9.0	LL và PPDH bộ môn Hóa học	
354	198140111310011	Hoàng Thị Tuyết	15/02/1992	42	8.28	9.0	LL và PPDH bộ môn Hóa học	Miễn NN
355	19862011010021	Nguyễn Thị Hải Anh	02/12/1991	45	7.75	8.4	Khoa học cây trồng	
356	19862011010008	Lê Văn Chiến	17/12/1982	45	7.75	8.3	Khoa học cây trồng	
357	19862011010009	Nguyễn Thị Thùy Dương	23/03/1995	45	7.82	8.4	Khoa học cây trồng	
358	19862011010010	Hoàng Minh Hải	01/10/1983	45	7.77	8.3	Khoa học cây trồng	
359	19862011010011	Nguyễn Thị Hằng	21/09/1989	45	7.97	8.3	Khoa học cây trồng	
360	19862011010012	Nguyễn Thị Hiền	05/09/1993	45	7.89	8.4	Khoa học cây trồng	
361	19862011010018	Nguyễn Tiến Hùng	24/07/1992	45	7.35	8.0	Khoa học cây trồng	
362	19862011010014	Cao Xuân Mai	15/07/1981	42	7.51	8.4	Khoa học cây trồng	Miễn NN

TT	Mã HV	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTH	Trung bình	Luận văn	Chuyên ngành	Ghi chú
363	19862011010015	Trần Thị Mai	X	16/02/1995	45	8.05	8.5	Khoa học cây trồng	
364	19862011010016	Nguyễn Thị Phương Thúy	X	26/09/1989	45	7.91	8.5	Khoa học cây trồng	
365	19862011010019	Nguyễn Thị Minh Thương	X	28/02/1994	45	7.79	8.4	Khoa học cây trồng	
366	19862011010017	Hoàng Thị Trang	X	10/02/1985	45	8.02	8.5	Khoa học cây trồng	
367	19862011010020	Nguyễn Đức Trung	X	15/08/1990	45	7.73	8.2	Khoa học cây trồng	
368	19862011010013	Hà Thị Tuyết	X	29/04/1983	45	8.15	8.6	Khoa học cây trồng	
369	19862011010002	Vũ Đức Cường	✓	19/06/1977	45	8.21	8.5	Khoa học cây trồng	
370	19862011010003	Nguyễn Thị Hằng	✓	07/11/1988	45	8.27	8.3	Khoa học cây trồng	
371	19862011010007	Đỗ Thị Huệ	✓	27/03/1989	45	8.31	8.5	Khoa học cây trồng	
372	19862011010005	Phan Vũ Liêm	✓	23/12/1995	45	8.03	8.3	Khoa học cây trồng	
373	19862011010006	Trần Triệu Vân	✓	17/05/1989	45	8.61	8.7	Khoa học cây trồng	
374	19858020110001	Nguyễn Hoàng Đức	✓	22/06/1990	45	7.96	8.5	Kỹ thuật xây dựng	
375	19858020110012	Phạm Thị Trà Giang	✓	01/01/1995	45	8.25	8.5	Kỹ thuật xây dựng	
376	19858020110018	Nguyễn Thị Duyên Hà	✓	20/12/1982	45	8.37	8.5	Kỹ thuật xây dựng	
377	19858020110002	Nguyễn Vũ Hồng	✓	26/02/1985	45	8.39	8.5	Kỹ thuật xây dựng	
378	19858020110013	Đặng Khắc Nam	✓	19/09/1984	45	8.31	8.5	Kỹ thuật xây dựng	
379	19858020110004	Nguyễn Trọng Tuấn	✓	28/10/1985	45	7.98	9.5	Kỹ thuật xây dựng	
380	19858020110005	Trần Anh Tuấn	✓	05/10/1995	45	7.63	8.0	Kỹ thuật xây dựng	
381	19858020110003	Nguyễn Thanh Tùng	✓	21/04/1988	45	7.38	8.0	Kỹ thuật xây dựng	
382	19858020110017	Hồ Văn Bình	✓	06/08/1985	45	8.51	8.0	Kỹ thuật xây dựng	
383	19858020110008	Nguyễn Hòa Hiệp	✓	01/05/1984	45	8.49	8.5	Kỹ thuật xây dựng	
384	19858020110009	Nguyễn Võ Trung Hiếu	✓	03/01/1993	45	8.53	8.0	Kỹ thuật xây dựng	
385	19858020110014	Lê Huỳnh Anh Huy	✓	16/09/1994	45	8.42	8.0	Kỹ thuật xây dựng	

STT	Mã HV	Họ và tên	✓	Ngày sinh	Số ICDL	Trung bình	Luận văn	Chuyên ngành	Ghi chú
386	19858020110015	Đinh Hải	✓	26/06/1984	45	8.93	8.5	Kỹ thuật xây dựng	
387	19858020110016	Nguyễn Vũ	✓	11/08/1975	45	8.71	9.0	Kỹ thuật xây dựng	
388	19858020110020	Dương Trung	✓	20/11/1987	45	8.41	8.0	Kỹ thuật xây dựng	
389	19858020110010	Huyền Hiếu	✓	22/04/1984	45	8.55	8.5	Kỹ thuật xây dựng	
390	19858020110011	Nguyễn Hữu	✓	11/09/1989	45	8.48	9.0	Kỹ thuật xây dựng	
391	19858020110007	Nguyễn Song	✓	21/01/1992	45	8.47	8.0	Kỹ thuật xây dựng	
392	19822901110001	Nguyễn Hoàng	✗	13/03/1977	46	8.26	8.6	Lịch sử thế giới	
393	19822901110004	Nguyễn Thị	✗	25/12/1992	46	8.79	9.0	Lịch sử thế giới	
394	19822901110008	Lê An	✗	25/11/1977	46	7.92	8.5	Lịch sử thế giới	
395	19822901110006	Ngô Thị	✗	12/01/1980	46	8.43	8.9	Lịch sử thế giới	Miền NN
396	19822901110002	Trần Thị	✗	16/07/1997	43	8.49	9.0	Lịch sử thế giới	
397	19822901110005	Lê Thị	✗	03/12/1977	46	8.22	8.9	Lịch sử thế giới	
398	19822901110003	Vũ Thị	✗	04/04/1984	46	8.42	8.7	Lịch sử thế giới	
399	198140111510001	Nguyễn Thị Thùy	✓	21/12/1995	43	8.43	8.9	LL và PPDH bộ môn Ngữ văn	Miền NN
400	198140111510018	Nguyễn Thị Ngọc	✓	25/03/1976	46	8.37	9.0	LL và PPDH bộ môn Ngữ văn	
401	198140111510014	Trần Cẩm	✓	11/02/1982	46	8.16	8.8	LL và PPDH bộ môn Ngữ văn	
402	198140111510010	Lê Thị Hồng	✓	11/09/1981	46	8.3	8.8	LL và PPDH bộ môn Ngữ văn	
403	198140111510002	Hoàng Thị Phương	✓	13/12/1996	46	8.53	9.0	LL và PPDH bộ môn Ngữ văn	
404	198140111510016	Phan Thị	✓	01/04/1988	46	8.44	9.0	LL và PPDH bộ môn Ngữ văn	
405	198140111510003	Bùi Văn	✓	20/07/1978	46	7.83	8.5	LL và PPDH bộ môn Ngữ văn	
406	198140111510007	Lê Thị	✓	04/05/1992	46	7.9	8.5	LL và PPDH bộ môn Ngữ văn	
407	198140111510008	Ngô Thị Thanh	✓	17/01/1979	46	8.22	8.9	LL và PPDH bộ môn Ngữ văn	
408	198140111510009	Cao Thị	✓	18/10/1977	46	8.1	8.8	LL và PPDH bộ môn Ngữ văn	

STT	Mã HV	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTH	Trung bình	Luận văn	Chuyên ngành	Ghi chú	
501	19834041010047	Thái Thị Thu	Hiền	✓	28/11/1982	46	7.94	8.5	Quản lý kinh tế	
502	19834041010052	Trần Xuân	Hòa	✓	30/05/1974	46	7.65	8.5	Quản lý kinh tế	
503	19834041010057	Nguyễn Thái	Hoàng	✓	20/01/1987	46	7.71	8.1	Quản lý kinh tế	
504	19834041010068	Phan Viết	Hùng	✓	03/11/1983	46	7.26	7.8	Quản lý kinh tế	
505	19834041010086	Nguyễn Thị Hoàng	Nga	✓	25/06/1993	46	7.73	8.2	Quản lý kinh tế	
506	19834041010088	Đậu Đại	Nhân	✓	14/04/1989	46	7.87	8.2	Quản lý kinh tế	
507	19834041010091	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	✓	09/08/1991	46	7.77	8.3	Quản lý kinh tế	
508	19834041010094	Nguyễn Mai	Phượng	✓	18/08/1993	46	8.15	8.5	Quản lý kinh tế	
509	19834041010097	Nguyễn Văn	Quang	✓	15/10/1987	46	7.86	7.8	Quản lý kinh tế	
510	19834041010100	Hoàng	Quỳnh	✓	26/07/1980	46	7.8	9.5	Quản lý kinh tế	
511	19834041010102	Nguyễn Thị	Quỳnh	✓	10/10/1987	46	7.96	8.4	Quản lý kinh tế	
512	19834041010103	Trần Thúy	Quỳnh	✓	18/08/1995	46	7.83	8.2	Quản lý kinh tế	
513	19834041010109	Nguyễn Khánh	Tài	✓	05/08/1993	46	7.74	8.3	Quản lý kinh tế	
514	19834041010118	Trần Văn	Thanh	✓	22/03/1996	43	8	8.8	Quản lý kinh tế	Miễn NN
515	19834041010124	Phan Văn	Thắng	✓	01/04/1976	46	8.03	9.0	Quản lý kinh tế	
516	19834041010133	Trần Minh	Tính	✓	27/09/1975	46	7.82	8.5	Quản lý kinh tế	
517	19834041010135	Nguyễn Đức	Toàn	✓	15/09/1989	46	7.82	8.4	Quản lý kinh tế	
518	19834041010142	Nguyễn Ngọc	Tú	✓	01/05/1980	46	7.63	8.3	Quản lý kinh tế	
519	19834041010149	Nguyễn Lê Anh	Tuấn	✓	26/09/1990	46	7.85	8.0	Quản lý kinh tế	
520	19834041010157	Phan Thành	Vinh	✓	20/08/1980	46	7.79	8.5	Quản lý kinh tế	
521	19834041010160	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	✓	19/05/1987	46	8.19	8.6	Quản lý kinh tế	

Danh sách gồm 521 học viên được công nhận tốt nghiệp..